

Bản án số: 25/2025/DS-ST

Ngày 08/4/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH - TỈNH KIÊN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Tấn Hưng**.

2- Bà **Hồ Thị Hoa**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Trúc Thu**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Hoàng Nam**. Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 252/2024/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 38/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Lê Văn K**, sinh năm 1967 và bà **Huỳnh Thị L**, sinh năm 1968. (Có mặt)

2. Bị đơn: Vợ chồng chị **Lê Thị N**, sinh năm 1981 và anh **Võ Hoài B**, sinh năm 1980. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp TL, xã ĐT, huyện AM, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2024 và khởi kiện bổ sung đề ngày 05/9/2024 của nguyên đơn vợ chồng ông **Lê Văn K**, bà **Huỳnh Thị L** cũng như những lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án đã trình bày và yêu cầu như sau:

Vợ chồng ông , bà và vợ chồng anh B, chị N có mối quan hệ họ hàng nên vào năm 2022 vợ chồng anh B, chị N có kêu vợ chồng ông, bà vay tiền ở Ngân hàng Liên Việt - Rạch Giá với số tiền 900.000.000đ để cho vợ chồng anh B, chị N vay lại số tiền 810.000.000đ để xoay sở trong gia đình; còn vợ chồng ông, bà lấy số tiền

90.000.000 đồng để sửa vuông nuôi tôm. Khi đó vợ chồng anh B, chị N hứa sẽ đóng lãi số tiền vay 900.000.000đ cho Ngân hàng. Sau đó vợ chồng anh B, chị N đóng lãi cho Ngân hàng được 01 lần (là 06 tháng) nhưng không trả gốc. Khi ông, bà nhắc nhở thì anh B, chị N cứ hẹn lần, hẹn lượt đến ngày 18/02/2023 thì vợ chồng anh B, chị N có làm tờ nhận nợ với ông, bà nhưng không hẹn khi nào trả lại tiền cho ông bà. Tờ nhận nợ là tờ thỏa thuận chia tiền vay do cha của anh Võ Hoài B viết, anh B và chị N ký tên vào tờ thỏa thuận này.

Hiện nay vợ chồng anh B, chị N có trại cua giống bỏ dang dở, nhà đang xây dựng, do thiếu nợ nhiều người nên vợ chồng anh B, chị N đã bỏ đi mấy tháng nay, còn tài sản của vợ chồng anh B, chị N thì đang bị kê biên chờ phát mãi trả nợ.

Nay vợ chồng ông, bà yêu cầu vợ chồng chị Lê Thị N, anh Võ Hoài B phải trả cho ông, bà số tiền tổng cộng là 1.043.000.000đ (một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu đồng), trong đó: tiền gốc 810.000.000đ; tiền lãi tạm tính từ tháng 02/2023 đến tháng 08/2024 là 233.000.000đ.

Bị đơn vợ chồng chị Lê Thị N, anh Võ Hoài B được Tòa án thông báo và triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16 tháng 01 năm 2025, người làm chứng ông Võ Hồng D trình bày như sau: Ông là cha ruột của anh Võ Hoài B, ông xác định tờ thỏa thuận chia tiền vay lập ngày 18/02/2023 là do ông viết, còn việc chị N và anh B có trực tiếp ký tên vào tờ thỏa thuận này không thì ông không trực tiếp chứng kiến, nguyên nhân ông biết việc này là do vợ chồng ông K, bà L nói cho ông nghe và nhờ ông viết tờ thỏa thuận này.

Tại phiên tòa:

Vợ chồng ông K, bà L vẫn giữ nguyên nội dung khởi kiện đối với vợ chồng anh B, chị N, yêu cầu vợ chồng anh B, chị N trả cho ông, bà số tiền nợ tổng cộng là 1.043.000.000đ (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu đồng).

Ông K, bà L xác định số tiền lãi tính từ tháng 02/2023 đến tháng 08/2024 là 18 tháng x 1,6%/tháng x 810.000.000đ là 233.280.000đ nhưng ông, bà đồng ý bớt số tiền lãi 280.000đ, yêu cầu tính số tròn là 233.000.000đ (Hai trăm ba mươi ba triệu đồng) theo đúng như đơn khởi kiện.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về phần thủ tục: Từ khi thụ lý hồ sơ vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thì Thẩm phán đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, HĐXX và Thư ký đã thực hiện trình tự thủ tục đúng theo quy định của pháp luật.

Về phần nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh B, chị N trả cho ông K, bà L số tiền tổng cộng là 1.043.000.000đ (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu đồng), trong đó: tiền gốc 810.000.000đ; tiền lãi là 233.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn K, bà Huỳnh Thị L đối với vợ chồng chị Lê Thị N, anh Võ Hoài B là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, cụ thể là vay tiền, giao dịch được xác lập vào năm 2022 nên quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vợ chồng chị Lê Thị N, anh Võ Hoài B đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Vợ chồng ông Lê Văn K, bà Huỳnh Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị Lê Thị N, anh Võ Hoài B trả cho ông, bà số tiền nợ là 810.000.000đ (Tám trăm mười triệu đồng) và lãi suất đối với số tiền trên kể từ tháng 02 năm 2023 đến tháng 08/2024 là 233.280.000đ.

Xét thấy, mặc dù bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, cụ thể tại tờ thỏa thuận chia tiền vay ngày 18/02/2023 và lời trình bày của ông Võ Hồng Đ xác định là việc vợ chồng anh B, chị N vay tiền của ông K, bà L thì ông K, bà L có kể lại sự việc cho ông nghe và nhờ ông viết tờ thỏa thuận, ông K, bà L xác định ký và chữ viết tên là do anh B, chị N viết và ký, từ đó cho thấy lời trình bày của vợ chồng ông K, bà L là khách quan, có cơ sở xem xét.

Từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định vợ chồng anh B, chị N còn nợ vợ chồng ông K, bà L số tiền vay là 810.000.000đ (Tám trăm mười triệu đồng) từ ngày 18/02/2023 nhưng đến nay chưa trả. Vì vậy, vợ chồng ông K, bà L khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh B, chị N trả số tiền nợ 810.000.000đ (Tám trăm mười triệu đồng) là có căn cứ để chấp nhận.

Xét yêu cầu tính lãi đối với tiền vay từ tháng 02/2023 đến tháng 08/2024 của vợ chồng ông K, bà L đối với vợ chồng anh B, chị N.

Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì mức lãi suất sẽ là 20%/năm, tương ứng với 1,66%/tháng, trong khi đó nguyên đơn chỉ yêu cầu mức lãi suất là 1,6% là thấp hơn so với quy định của pháp luật và căn cứ theo tờ thỏa thuận đề ngày 18/02/2023 nguyên đơn yêu cầu tính lãi thời gian 18 tháng, tức là tính đến ngày làm đơn khởi kiện thì bị đơn vẫn có lợi. Vì vậy, HĐXX thống nhất chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi tính đến ngày 18/8/2024 là 233.280.000đ

Từ nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc vợ chồng anh B, chị N có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông K, bà L số tiền nợ tổng cộng 1.043.000.000đ (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu đồng), trong đó: tiền gốc 810.000.000đ; tiền lãi tính đến ngày 18/8/2024 là 233.000.000đ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng anh B, chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.043.000.000đ, số tiền án phí sẽ là $[800.000.000đ + 36.000.000đ + (243.000.000đ \times 3\% = 7.290.000đ)] = 43.290.000đ$ (Bốn mươi ba triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng)

Vợ chồng ông Lê Văn K, bà Huỳnh Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.645.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005174 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Văn K, bà Huỳnh Thị L đối với vợ chồng chị Lê Thị N, anh Võ Hoài B về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

2. Buộc vợ chồng chị Lê Thị N, anh Võ Hoài B trả cho vợ chồng ông Lê Văn K, bà Huỳnh Thị L số tiền tổng cộng là 1.043.000.000đ (Một tỷ không trăm bốn mươi ba triệu đồng), trong đó: tiền gốc 810.000.000đ; tiền lãi là 233.000.000đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên vợ chồng chị Lê Thị N, anh Võ Hoài B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.043.000.000đ, số tiền án phí sẽ là $[800.000.000đ + 36.000.000đ + (243.000.000đ \times 3\% = 7.290.000đ)] = 43.290.000đ$ (Bốn mươi ba triệu, hai trăm chín mươi ngàn đồng).

Vợ chồng ông Lê Văn K, bà Huỳnh Thị L được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.645.000đ (Hai mươi một triệu, sáu trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005174 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/4/2025). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện cùng cấp;
- THADS huyện cùng cấp;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh